TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2024/QĐST-DS	*Ninh Thuận, ngày 10 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chinh

Ông Trương Thành Quang

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST-DS ngày 03/11/2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1952 (Có mặt);

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn D (Có mặt), sinh năm: 1947;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Xuân L (Có mặt) – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1949 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Dương Văn Quốc H, sinh năm: 1972 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Dương Thị P, sinh năm: 1948 (Có mặt);

2. *Người thừa kế của ông Dương Văn P1:*

2.1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1962 (Vắng, có yêu cầu xét xử vắng mặt);

2.2. Ông Dương Quốc B, sinh năm: 1994 (Vắng, có yêu cầu xét xử vắng mặt);

2.3. Ông Dương Quốc K, sinh năm: 1996 (Vắng, có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ G, ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3. Người thừa kế của ông Dương Văn C:

3.1. Bà Dương Thị Mỹ L1, sinh năm: 1983 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.2. Ông Dương Văn T1, sinh năm: 1986 (Có mặt);

Địa chỉ: Xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

3.3. Ông Dương Minh C1, sinh năm: 1990 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Ông Dương Văn L2, sinh năm: 1958 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ G, ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

5. Người thừa kế của bà Dương Thị T2:

5.1. Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm: 1969 (Vắng, có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số H L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5.2. Ông Nguyễn H2, sinh năm: 1971 (Vắng, có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số C đường N, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5.3. Ông Nguyễn H3, sinh năm: 1973 (Vắng, có yêu cầu xét xử vắng mặt);

5.4. Bà Nguyễn Thị Kim H4, sinh năm: 1976 (Vắng, có yêu cầu xét xử vắng mặt);

5.5. Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm: 1978 (Vắng, có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số H đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5.6. Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1983 (Vắng, có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số A đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành Q – Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N (Văn bản ủy quyền số 34/UQ-UBND ngày 20/2/2023) (Vắng, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường L, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Thửa đất số 01, tờ bản đồ địa chính số D10-T.Phong xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị M, hiện nay bà Nguyễn Thị M đang quản lý và sinh sống trên đất. Bà Trần Thị T cho rằng thửa đất số 01 mà bà M đang sử dụng có nguồn gốc là của mẹ chồng bà là Nguyễn Thị S để lại cho các con của bà S. Năm 1997 bà M không có chỗ ở nên các con của bà S đã cho bà M ở nhờ trên đất, phần đất cho bà M ở nhờ chính là thửa đất số 01 tờ bản đồ địa chính D10-T.Phong xã Q, huyện N. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả lại thửa đất số 01, tờ bản đồ địa chính số D10-T.Phong xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T, bị đơn bà Nguyễn Thị M, và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận như sau:

+ Bà Nguyễn Thị M đồng ý trả cho bà Trần Thị T số tiền 250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng) giá trị thửa đất số 01, tờ bản đồ địa chính số D10-T.Phong xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị M tiếp tục được quyền sử dụng thửa đất số thửa đất số 01, tờ bản đồ địa chính số D10-T.Phong xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2.4. Về chi phí thẩm định, định giá và trích lục: Bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị M thỏa thuận chia đôi chi phí thẩm định, định giá và trích lục. Tổng số tiền là 4.592.350 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu năm trăm chín mươi hai ba trăm năm mươi đồng). Bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng tiền tạm ứng chi phí đo đạc định giá tài sản, do đó, bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị T 2.296.175 đồng (Bằng chữ: Hai triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi năm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được quyền yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong tiền gốc.

2.5. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị T, sinh năm 1952, bị đơn bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1949 là người cao tuổi, căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị T, bà Nguyễn Thị M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh (1);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, HC-TP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Dịu